

Số: 141/2015/NQ-HĐND

Hà Tĩnh, ngày 17 tháng 7 năm 2015

NGHỊ QUYẾT
Về việc thông qua Đề án hỗ trợ phát triển
tài sản trí tuệ tỉnh Hà Tĩnh, giai đoạn 2015-2020

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 14

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân năm 2004;

Căn cứ Quyết định số 1786/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050;

Sau khi xem xét Tờ trình số 279/TTr-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đề nghị thông qua Đề án hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Hà Tĩnh, giai đoạn 2015-2020; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Đề án hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Hà Tĩnh, giai đoạn 2015-2020, với nội dung chủ yếu sau:

1. Quan điểm

a) Phát triển hoạt động sở hữu trí tuệ của Hà Tĩnh tuân thủ theo các quy định quốc gia và thông lệ quốc tế. Các nội dung hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ phải bám sát Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020, tầm nhìn đến 2050 tại Quyết định số 1786/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ và các quy hoạch ngành đã được phê duyệt.

b) Bảo hộ và phát triển tài sản trí tuệ là nội dung và công cụ đặc lực nhằm nâng cao giá trị của sản phẩm, phải được tiến hành đồng bộ gắn với nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; phù hợp với từng nhóm sản phẩm và ngành hàng của từng vùng; trước hết tập trung ưu tiên cho các sản phẩm nông nghiệp chủ yếu, sản phẩm đặc sản và làng nghề của tỉnh.

c) Phát triển tài sản trí tuệ nhằm phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế về điều kiện tự nhiên và con người Hà Tĩnh, thông qua công cụ sở hữu trí tuệ để quảng bá, nâng cao giá trị sản phẩm, hình ảnh của Hà Tĩnh trong thời kỳ hội nhập; thu hút các tổ chức, cá nhân tham gia vào hoạt động đầu tư, khai thác quyền sở hữu trí tuệ của các sản phẩm chủ yếu, sản phẩm đặc sản và làng nghề của tỉnh.

d) Việc đầu tư, khai thác quyền sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm chủ yếu, sản phẩm đặc sản, làng nghề do cá nhân, tổ chức thuộc các thành phần kinh tế thực hiện. Nhà nước tạo điều kiện hỗ trợ xác lập quyền và quản lý các nội dung khai thác, hỗ trợ chính sách phù hợp nhằm tạo điều kiện để tổ chức, cá nhân thuận lợi trong hoạt động khai thác quyền sở hữu trí tuệ để mang lại lợi ích cho người sản xuất.

e) Hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ nhằm khuyến khích, đẩy mạnh phong trào lao động sáng tạo, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Phạm vi và đối tượng

a) Phạm vi:

- Nâng cao nhận thức về sở hữu trí tuệ.
- Triển khai các nội dung khuyến khích, hỗ trợ tạo lập, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ cho các sản phẩm, dịch vụ của tỉnh.
- Thúc đẩy các hoạt động sáng tạo, tăng cường bảo hộ và ứng dụng các kết quả nghiên cứu, sáng tạo trên địa bàn tỉnh.
- Quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ (công tác tuyên truyền, tư vấn hướng dẫn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, thực hiện chính sách về sở hữu trí tuệ, thực thi quyền...).

b) Đối tượng:

- Các cơ quan quản lý nhà nước; các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện các hoạt động liên quan tới quản lý và phát triển tài sản trí tuệ cho các sản phẩm chủ yếu, sản phẩm đặc sản, sản phẩm làng nghề của tỉnh.
- Các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia tạo lập, xây dựng hệ thống quản lý, phát triển thương hiệu và triển khai các hoạt động nhằm khai thác giá trị của quyền sở hữu trí tuệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

3. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung:

- Tạo sự chuyển biến căn bản về nhận thức của các cấp, các ngành, tổ chức, cá nhân về tạo lập, quản lý, bảo vệ và phát triển tài sản trí tuệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

- Nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm, dịch vụ của tỉnh thông qua việc hỗ trợ tạo lập, quản lý, bảo vệ và phát triển tài sản trí tuệ; trong đó ưu tiên hỗ trợ các sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm đặc sản, làng nghề, sản phẩm có tiềm năng xuất khẩu và dịch vụ gắn với quảng bá hình ảnh quê hương Hà Tĩnh.

- Phát triển ứng dụng khoa học công nghệ, phong trào lao động sáng tạo, hỗ trợ các sáng kiến có hiệu quả được ứng dụng vào sản xuất và đời sống nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, năng suất lao động.

- Hình thành hệ thống bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ hoạt động có hiệu quả nhằm tạo môi trường kinh doanh lành mạnh và thu hút đầu tư.

- Xây dựng và phát triển một số thương hiệu mạnh của tỉnh nhằm nâng cao vị thế và sức cạnh tranh cho các sản phẩm của tỉnh.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Đáp ứng 100% tập thể, cá nhân có nhu cầu được tuyên truyền, tập huấn kiến thức về tạo lập, quản lý, bảo vệ và phát triển tài sản trí tuệ.

- Đảm bảo tất cả các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ của tỉnh có nhu cầu đều được đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

- Đáp ứng 80% các sản phẩm chủ yếu, sản phẩm đặc sản và sản phẩm làng nghề, sản phẩm xuất khẩu được đăng ký bảo hộ thương hiệu và hình thành hệ thống quản lý, phát triển tài sản trí tuệ; hỗ trợ xây dựng hệ thống nhận diện thương hiệu để quảng bá, xúc tiến thương mại.

- Đáp ứng 70% yêu cầu hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân về khai thác các sáng chế, giải pháp hữu ích; phát triển, ứng dụng nhân rộng các sáng kiến, có hiệu quả phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

- Đến năm 2020, có khoảng 2000 các đối tượng sở hữu công nghiệp được đăng ký bảo hộ, trong đó: ít nhất có 50 sản phẩm, dịch vụ được bảo hộ dưới dạng nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể, chỉ dẫn địa lý.

4. Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện

4.1. Phổ cập, nâng cao kiến thức, năng lực về sở hữu trí tuệ cho các tổ chức, cá nhân:

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức về sở hữu trí tuệ trên các phương tiện thông tin đại chúng; xây dựng các chuyên trang, chuyên

mục trên đài phát thanh truyền hình, website hướng dẫn về xây dựng, quản lý, phát triển và quảng bá thương hiệu sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm đặc sản, làng nghề của địa phương.

- Triển khai chương trình tuyên truyền về sở hữu trí tuệ trên sóng phát thanh, truyền hình tỉnh và các địa phương.

- Tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn kiến thức cơ bản và nâng cao về sở hữu trí tuệ, kỹ năng khai thác thông tin, phát triển quyền sở hữu trí tuệ cho doanh nghiệp, các nhà nghiên cứu, nhà sáng chế và đội ngũ quản lý.

- Biên soạn và phát hành các tài liệu hướng dẫn chuyên môn và phục vụ công tác tuyên truyền về sở hữu trí tuệ: Cẩm nang về sở hữu công nghiệp, Sổ tay hướng dẫn đăng ký nhãn hiệu, sáng chế, kiểu dáng công nghiệp...

- Định kỳ 02 năm, tổ chức xét chọn và công bố thương hiệu cho các sản phẩm, dịch vụ tiêu biểu trên địa bàn toàn tỉnh.

- Tổ chức cuộc thi thiết kế logo, nhãn mác, kiểu dáng bao bì, túi đựng cho các sản phẩm thuộc danh mục các sản phẩm ưu tiên hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ.

4.2. Hỗ trợ xác lập, quản lý, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận, chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm, dịch vụ chủ yếu, sản phẩm đặc sản, làng nghề của tỉnh:

- Các nội dung hỗ trợ xác lập quyền sở hữu trí tuệ, gồm: Điều tra, khảo sát hiện trạng hoạt động sản xuất, kinh doanh sản phẩm sẽ đăng ký; xác định phạm vi, đối tượng, hình thức bảo hộ; phân tích các chỉ tiêu chất lượng đặc thù và xây dựng tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm; xác định mối liên hệ giữa đặc thù của chất lượng với các điều kiện tự nhiên, con người vùng sản phẩm; xây dựng cơ sở khoa học và các tài liệu, hồ sơ cần thiết phục vụ việc xác lập quyền sở hữu trí tuệ; đăng ký xác lập quyền sở hữu trí tuệ trong và ngoài nước.

- Các nội dung hỗ trợ phát triển và khai thác tài sản trí tuệ, gồm: Xây dựng, hình thành các mô hình liên kết (hợp tác xã, hiệp hội làng nghề...) để quản lý và sử dụng thương hiệu; thiết kế hệ thống nhận diện thương hiệu; xây dựng các văn bản, quy trình, công cụ quảng bá, nhận diện phục vụ công tác quản lý và phát triển thương hiệu, chất lượng sản phẩm; áp dụng các kết quả nghiên cứu khoa học, ứng dụng - chuyển giao công nghệ, chuẩn hóa các quy trình quản lý, quy trình sản xuất tiên tiến (VietGAP, GlobalGAP, ISO...); tổ chức vận hành thử nghiệm các mô hình quản lý có hiệu quả.

- Tư vấn, hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức nông dân, các địa phương trong việc xây dựng và vận hành tổ chức quản lý, khai thác, phát triển giá trị của các tài sản trí tuệ đã được xác lập bảo hộ.

- Hỗ trợ phân tích, nghiên cứu và phát triển thị trường tiêu thụ cho các sản phẩm, dịch vụ chủ yếu, sản phẩm đặc sản, làng nghề của tỉnh.

- Hỗ trợ thiết kế hệ thống nhận diện thương hiệu cho các sản phẩm có nhu cầu nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và khả năng tiếp cận thị trường.

- Hỗ trợ tham gia các hội chợ thương mại, chợ công nghệ thiết bị nhằm quảng bá thương hiệu sản phẩm của tỉnh. Hình thành các mô hình liên kết tiêu thụ sản phẩm.

4.3. Hỗ trợ hoạt động ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ và sáng kiến nhằm phát triển sản phẩm mới và nâng cao khả năng cạnh tranh:

- Hỗ trợ áp dụng các kết quả nghiên cứu, các tiến bộ khoa học, các sáng chế, giải pháp hữu ích phù hợp với điều kiện sản xuất, kinh doanh của tỉnh nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của các sản phẩm.

- Hỗ trợ mua bản quyền các sáng chế, giống cây trồng nhằm phát triển sản phẩm mới.

- Hỗ trợ ứng dụng, phát triển các sáng kiến có hiệu quả thành sản phẩm phục vụ phát triển kinh tế, xã hội.

4.4. Khai thác thông tin khoa học, công nghệ và sở hữu trí tuệ phục vụ nghiên cứu, triển khai, sản xuất và kinh doanh:

- Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu về sáng chế/giải pháp hữu ích, thông tin khoa học, công nghệ phục vụ hoạt động nghiên cứu, triển khai, sản xuất và kinh doanh.

- Hướng dẫn tra cứu, khai thác các nguồn thông tin về sở hữu trí tuệ. Tổ chức cung cấp thông tin về sở hữu trí tuệ, khoa học, công nghệ theo yêu cầu của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh.

4.5. Tăng cường hiệu quả hoạt động quản lý, thực thi quyền sở hữu trí tuệ và hợp tác về sở hữu trí tuệ:

- Đẩy mạnh công tác quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ; theo chức năng quản lý được phân cấp, các ngành, các huyện, thị xã, thành phố bố trí cán bộ phụ trách về sở hữu trí tuệ nhằm đẩy mạnh công tác tham mưu, triển khai các chương trình, chính sách hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ.

- Thường xuyên đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ về sở hữu trí tuệ cho các cán bộ quản lý cấp ngành, cấp huyện.

- Đẩy mạnh công tác phối hợp trong phòng và chống xâm phạm quyền về sở hữu trí tuệ góp phần bảo vệ người tiêu dùng, xây dựng môi trường kinh doanh lành mạnh trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức các hoạt động khảo sát, trao đổi kinh nghiệm quản lý, phát triển tài sản trí tuệ ở trong và ngoài nước.

4.6. Giải pháp về quản lý, triển khai thực hiện đề án:

Thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án của tỉnh. Quản lý và triển khai thực hiện đề án thông qua việc tổ chức thực hiện theo nhóm các nội dung hỗ trợ trực tiếp và nhóm các dự án, bao gồm:

- Nhóm các nội dung hỗ trợ đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp (đăng ký nhãn hiệu, sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, giải pháp hữu ích) và hỗ trợ hoạt động sáng kiến, lao động sáng tạo... được thực hiện theo hình thức hỗ trợ trực tiếp cho các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp theo quy định cấp ngân sách hiện hành.

- Nhóm các nội dung đào tạo, tuyên truyền kiến thức về sở hữu trí tuệ: Hằng năm, Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp nhu cầu, xây dựng kế hoạch đào tạo, tuyên truyền, biên soạn tài liệu (Cẩm nang về sở hữu công nghiệp, Sổ tay hướng dẫn,...); kế hoạch công bố thương hiệu sản phẩm, thi thiết kế logo, nhãn mác kèm theo dự toán kinh phí trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Nhóm hỗ trợ dự án tuyên truyền; dự án xác lập, quản lý và phát triển nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận, chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm chủ yếu, sản phẩm đặc sản và làng nghề truyền thống: Được thực hiện thông qua các dự án, mỗi đối tượng được lập thành một dự án riêng để tổ chức quản lý và triển khai thực hiện. Việc quản lý dự án căn cứ vào hợp đồng giữa Sở Khoa học và Công nghệ với đơn vị chủ trì thực hiện dự án theo nội dung đã được phê duyệt.

Hoạt động quản lý các dự án tuyên truyền; dự án tạo lập và phát triển thương hiệu cho các sản phẩm chủ yếu, sản phẩm đặc sản và sản phẩm làng nghề, bao gồm: Các hoạt động liên quan đến việc đề xuất xây dựng dự án; xét duyệt, tuyển chọn đơn vị chủ trì thực hiện; thẩm định phê duyệt; kiểm tra, giám sát việc thực hiện, quản lý kinh phí; nghiệm thu, báo cáo kết quả được thực hiện theo các quy định hiện hành về quản lý đề tài, dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

4.7. Giải pháp về chính sách:

a) Hỗ trợ kinh phí đào tạo tập huấn, tuyên truyền:

Ngân sách cấp 100% kinh phí đào tạo, tập huấn, tuyên truyền, gồm: Kinh phí biên soạn tài liệu, kinh phí cho giảng viên, kinh phí tổ chức lớp; kinh phí xây dựng, triển khai dự án tuyên truyền trên Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, các địa phương; kinh phí thực hiện việc biên tập, xuất bản và phát hành các ấn phẩm phục vụ công tác tuyên truyền về sở hữu trí tuệ; kinh phí tổ chức xét chọn và công bố thương hiệu cho các sản phẩm, kinh phí tổ chức cuộc thi thiết kế logo,

nhãn mác... (kinh phí được cấp qua Sở Khoa học và Công nghệ để tổ chức thực hiện theo kế hoạch dự toán chi tiết hằng năm).

b) Hỗ trợ thiết kế và xác lập quyền sở hữu trí tuệ trong nước:

- Đối với nhãn hiệu:

+ Mỗi doanh nghiệp, đơn vị, cơ sở được hỗ trợ kinh phí xác lập quyền sở hữu công nghiệp tối đa 05 nhãn hiệu. Mỗi nhãn hiệu được hỗ trợ tối đa 02 nhóm sản phẩm/dịch vụ.

+ Định mức hỗ trợ: 10 triệu đồng/01 nhãn hiệu có 01 nhóm bảo hộ; 12 triệu đồng/1 nhãn hiệu có 02 nhóm bảo hộ.

- Đối với kiểu dáng công nghiệp: Được hỗ trợ: 10 triệu đồng/kiểu dáng công nghiệp.

- Đối với sáng chế/giải pháp hữu ích: được hỗ trợ 15 triệu đồng/01 sáng chế/giải pháp hữu ích.

c) Hỗ trợ xác lập quyền sở hữu công nghiệp ở nước ngoài:

Mỗi doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân được hỗ trợ 100% phí, lệ phí và chi phí thuê đại diện sở hữu công nghiệp ở nước ngoài để đăng ký bảo hộ nhãn hiệu hoặc kiểu dáng công nghiệp ở quốc gia nơi doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân cung cấp sản phẩm/dịch vụ, nhưng tối đa không quá 500 triệu đồng/một đơn vị.

d) Hỗ trợ ứng dụng các sáng chế, giải pháp hữu ích, sáng kiến:

- Đối với hỗ trợ ứng dụng các sáng chế, giải pháp hữu ích, sáng kiến vào phục vụ sản xuất, phát triển sản phẩm: Được hỗ trợ tối đa không quá 50% chi phí, tổng mức hỗ trợ không quá 01 tỷ đồng cho một lần hỗ trợ, bao gồm:

+ Chi phí chuyển giao quyền sử dụng sáng chế, giải pháp hữu ích, chi phí tiếp nhận và làm chủ sáng chế, sáng kiến.

+ Chi phí hoàn thiện sáng kiến và tạo ra sản phẩm, dịch vụ mới.

- Hỗ trợ mua bản quyền sáng chế, giải pháp hữu ích và giống cây trồng: Căn cứ vào yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng, đề xuất của Sở Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ xem xét và quyết định mua bản quyền sáng chế, giải pháp hữu ích, giống cây trồng nhằm giải quyết vấn đề có tính cấp bách hoặc có vai trò, ảnh hưởng lớn, quyết định đến sự phát triển của một lĩnh vực, ngành, nghề của tỉnh.

đ) Hỗ trợ xác lập, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ cho các sản phẩm chủ yếu, sản phẩm đặc sản, sản phẩm làng nghề dưới dạng nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận, chỉ dẫn địa lý

Được hỗ trợ thông qua hình thức đề tài, dự án, mỗi dự án xác lập, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ cho các sản phẩm chủ yếu, sản phẩm làng nghề được

hỗ trợ tối đa 70% kinh phí để thực hiện (kinh phí được cấp và quyết toán theo tiến độ triển khai dự án, giao Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn, phê duyệt, quản lý và nghiệm thu theo quy định).

5. Kinh phí thực hiện đề án

Tổng kinh phí thực hiện Đề án: 114.375 triệu đồng, Trong đó:

Nguồn ngân sách TW:	10.000 triệu đồng
Nguồn ngân sách tỉnh:	74.900 triệu đồng
Nguồn ngân sách huyện:	19.500 triệu đồng
Nguồn khác:	9.975 triệu đồng

Phân bổ theo từng năm như sau:

- Năm 2015:	4.500 triệu đồng
Nguồn ngân sách TW:	không
Nguồn ngân sách tỉnh:	3.000 triệu đồng
Nguồn ngân sách huyện:	1.000 triệu đồng
Nguồn khác:	500 triệu đồng

- Năm 2016:	24.400 triệu đồng
Nguồn ngân sách TW:	2.000 triệu đồng
Nguồn ngân sách tỉnh:	16.500 triệu đồng
Nguồn ngân sách huyện:	3.900 triệu đồng
Nguồn khác:	2.000 triệu đồng

- Năm 2017:	25.375 triệu đồng
Nguồn ngân sách TW:	2.000 triệu đồng
Nguồn ngân sách tỉnh:	16.975 triệu đồng
Nguồn ngân sách huyện:	3.900 triệu đồng
Nguồn khác:	2.500 triệu đồng

- Giai đoạn: 2018-2020:	60.100 triệu đồng
Nguồn ngân sách TW:	6.000 triệu đồng
Nguồn ngân sách tỉnh:	38.425 triệu đồng
Nguồn ngân sách huyện:	10.700 triệu đồng
Nguồn khác:	4.975 triệu đồng

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định phê duyệt Đề án và tổ chức thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có nội dung cần thiết điều chỉnh, bổ sung, Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XVI, Kỳ họp thứ 14 thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu UBTVQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ, Website Chính phủ;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Kiểm toán nhà nước khu vực II;
- Bộ Tư lệnh Quân khu IV;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh uỷ, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội đoàn Hà Tĩnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh uỷ;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Trung tâm T.Tin VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trung tâm Công báo - tin học VP UBND tỉnh;
- Trang thông tin điện tử tỉnh; 
- Lưu.

CHỦ TỊCH



Võ Kim Cự

